

BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

PHƯƠNG ÁN
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022

HÀ NỘI - 2022

PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022

I. Thông tin chung

- Tên trường: Học viện Tài chính; mã trường: HTC
- Địa chỉ các trụ sở:
 - + Trụ sở chính - Cơ sở đào tạo: Số 58 Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - + Cơ sở đào tạo: Số 19 ngõ Hàng Cháo, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
 - + Cơ sở đào tạo: Số 4, ngõ 1 Hàng Chuối, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://hvtc.edu.vn>; <https://aof.edu.vn>.
- Số hotline: 0961.481.086; 0967.684.086; 0981.896.517

II. Phương án tuyển sinh đại học chính quy năm 2022

1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh

Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước và các nước khác.

3. Phương thức tuyển sinh

- (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- (2) Xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT.
- (3) Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- (4) Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- (5) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội và đánh giá tư duy của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội năm 2022.

3.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT

Đối tượng, nguyên tắc xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

3.2. Xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT.

3.2.1. Đối tượng xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trên toàn quốc có hạnh kiểm 3 năm bậc THPT xếp loại Tốt (không xét thí sinh tốt nghiệp theo hình thức Giáo dục thường xuyên), có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

** Thí sinh được đăng ký tất cả các ngành của Học viện nếu thuộc một trong những đối tượng sau:*

(1) Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung đề tài dự thi về Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn (*Phụ lục 02, 03*).

(2) **Học lực Giỏi 3 năm** bậc THPT, trong đó kết quả học tập năm lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0.

(3) **Học lực Giỏi 2 năm** bậc THPT trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm, TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm (còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp hồ sơ) hoặc chứng chỉ Cambridge FCE.

- Có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm.

** Thí sinh chỉ được đăng ký ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Kinh tế của Học viện nếu thuộc một trong những đối tượng sau:*

- **Học lực Giỏi năm lớp 12** và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm, TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm hoặc chứng chỉ Cambridge FCE.

+ Có kết quả thi SAT đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT đạt tối thiểu từ 22 điểm.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý,

Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

3.2.2. Thứ tự ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT

Thứ tự ưu tiên 1: Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung đề tài dự thi về Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

Thứ tự ưu tiên 2: Thí sinh các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn của trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW đạt học lực Giỏi 2 năm trở lên trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

- Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm, TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm hoặc chứng chỉ Cambridge FCE.

- Có kết quả thi SAT đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT đạt tối thiểu từ 22 điểm.

Thứ tự ưu tiên 3: Thí sinh các trường THPT trên toàn quốc đạt học lực Giỏi 2 năm trở lên trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

- Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm, TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm hoặc chứng chỉ Cambridge FCE.

- Có kết quả thi SAT đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT đạt tối thiểu từ 22 điểm.

Thứ tự ưu tiên 4: Thí sinh các trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW đạt học lực Giỏi 3 năm trong đó kết quả học tập năm lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0 (thí sinh học các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn được ưu tiên xét tuyển trước các lớp khác).

Thứ tự ưu tiên 5: Thí sinh các trường THPT trên toàn quốc đạt học lực Giỏi 3 năm trong đó kết quả học tập năm lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0

Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Kinh tế, ngoài 5 thứ tự ưu tiên trên còn xét bổ sung thứ tự ưu tiên sau:

Thứ tự ưu tiên 2b: Thí sinh các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn của trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW có đủ một trong các điều kiện sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

- **Học lực Giỏi năm lớp 12** và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm, TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm hoặc chứng chỉ Cambridge FCE.

+ Có kết quả thi SAT đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT đạt tối thiểu từ 22 điểm.

Thứ tự ưu tiên 3b: Thí sinh các trường THPT trên toàn quốc có đủ một trong các điều kiện sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

- **Học lực Giỏi năm lớp 12** và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm, TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm hoặc chứng chỉ Cambridge FCE.

+ Có kết quả thi SAT đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT đạt tối thiểu từ 22 điểm.

3.2.3. Cách tính điểm xét tuyển:

$ĐXT = \text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3} + ĐUT$ (nếu có)

- Điểm môn 1 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1

- Điểm môn 2 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2

- Điểm môn 3 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình, ĐUT: Điểm ưu tiên đối tượng theo quy chế tuyển sinh hiện hành. Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh

quốc tế được quy đổi điểm tiếng Anh (theo thang điểm 10 ở Bảng quy đổi tại Mục 3.4.2) thay cho ĐTB cả năm lớp 12 môn ngoại ngữ khác).

3.2.4. Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển lần lượt theo thứ tự từ ưu tiên 1 đến ưu tiên 5, trong cùng một mức thứ tự ưu tiên, xét theo thứ tự nguyện vọng và lấy điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Nếu nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì lấy điểm trung bình môn Toán làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

3.3. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

3.3.1. Đối tượng xét tuyển

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 trên toàn quốc (không phân biệt thí sinh tốt nghiệp theo hình thức chính quy hay Giáo dục thường xuyên).

3.3.2. Nguyên tắc xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

Đối với từng ngành của Học viện, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

Đối với mỗi thí sinh, nếu đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển.

Riêng thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam, căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh, Giám đốc Học viện xem xét quyết định cho vào học. Ưu tiên thí sinh đã có thông báo tiếp nhận vào học của các trường đại học trên thế giới.

3.4. Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

3.4.1. Đối tượng xét tuyển

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm, TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm, Cambridge FCE trở lên hoặc kết quả thi SAT đạt tối thiểu từ 1050/1600 hoặc ACT đạt tối thiểu từ 22 điểm) và kết quả điểm thi 02 bài/môn thi Toán + Ngữ văn hoặc Toán + Vật lý hoặc Toán + Hóa học từ 11 điểm trở lên.

3.4.2. Nguyên tắc xét tuyển kết hợp

Xét tuyển bình đẳng với đối tượng xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐUT (nếu có)

- Trong đó: - Điểm môn 1: Là điểm môn Toán.
 - Điểm môn 2: Là điểm môn Ngữ văn hoặc Vật lý hoặc Hóa học.
 - Điểm môn 3: Là điểm môn tiếng Anh quy đổi.
 - ĐUT: Điểm ưu tiên đối tượng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10

TT	IELTS	TOEFL iBT	SAT	ACT	Cambridge	Quy đổi theo thang điểm 10
1	5.5	55 - dưới 60	1050 - dưới 1200/1600	22 – dưới 26	FCE	9,5
2	Từ 6.0 trở lên	60 trở lên	1200/1600 trở lên	26 trở lên	CAE	10

3.5. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội và đánh giá tư duy của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội

3.5.1. Đối tượng xét tuyển

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Hà Nội đạt từ 100 điểm trở lên hoặc có điểm thi đánh giá tư duy của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội từ 25 điểm trở lên năm 2022.

3.5.2. Nguyên tắc xét tuyển

Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu theo điểm xét tuyển.

- Với điểm thi của Đại học Quốc gia Hà Nội:

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Điểm ĐGNL} * 30/150 + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

- Với điểm thi của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội:

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Điểm ĐGNL} * 30/40 + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

*** Chỉ tiêu xét tuyển hệ Đại học chính quy**

Tổng chỉ tiêu là 4.000 trong đó xét tuyển thẳng và xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT ít nhất bằng 50%; xét tuyển dựa vào kết quả đánh giá năng lực 5%, số còn lại xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và xét tuyển kết hợp.

TT	Mã xét tuyển (*)	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
Chương trình chất lượng cao (Điểm môn tiếng Anh nhân đôi đối với diện xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022)				1.000
1	7340201C06..	Tài chính - Ngân hàng	Hải quan và Logistics	200
2	7340201C09..		Phân tích tài chính	100
3	7340201C11..		Tài chính doanh nghiệp	250
4	7340301C21..	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	250
5	7340301C22..		Kiểm toán	200

TT	Mã xét tuyển (*)	Tên ngành/ chuyên ngành		Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
Chương trình đại trà (Ngành Ngôn ngữ Anh điểm môn tiếng Anh nhân đôi đối với diện xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022)					3.000
1	7220201..	Ngôn ngữ Anh		A01; D01; D07	200
2	7310101..	Kinh tế		A01; D01; D07	240
3	7340101..	Quản trị kinh doanh		A00; A01; D01; D07	240
4	73402011..	Tài chính - Ngân hàng 1	Quản lý tài chính công	A00; A01; D01; D07	560
			Thuế		
			Hải quan & Nghiệp vụ Ngoại thương		
			Tài chính quốc tế		
6	73402012..	Tài chính - Ngân hàng 2	Phân tích chính sách tài chính	A00; A01; D01; D07	490
			Tài chính doanh nghiệp		
			Thẩm định giá & Kinh doanh Bất động sản		
7	73402013..	Tài chính - Ngân hàng 3	Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	310
			Tài chính bảo hiểm		
			Đầu tư tài chính		
8	7340301..	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	A00; A01; D01; D07	840
			Kiểm toán		
			Kế toán công		
9	7340405..	Hệ thống thông tin quản lý		A00; A01, D01; D07	120

(*) Mã xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT áp dụng cho năm 2022; chi tiết cho từng phương thức xét tuyển được cập nhật trên trang thông tin <https://hvtc.edu.vn>

* Chỉ tiêu xét tuyển chương trình DDP liên kết đào tạo giữa Học viện Tài chính với trường đại học Greenwich (UK) mỗi bên cấp 1 bằng cử nhân

TT	Mã xét tuyển (*)	Tên ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
1	7340201DDP1..	Tài chính - Ngân hàng	A00	30
2	7340201DDP2..	Tài chính - Ngân hàng	A01; D01; D07	90

(Tuyển sinh theo đề án riêng, chi tiết xem trên trang tin điện tử: <https://hvtc.edu.vn>)

*** Chỉ tiêu xét tuyển chương trình liên kết đào tạo Đại học Toulon (Cộng hòa Pháp)**

TT	Tên ngành	Chỉ tiêu
1	Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính	200
2	Kế toán - Kiểm soát - Kiểm toán	

(Tuyển sinh theo đề án riêng, chi tiết xem trên trang tin điện tử:

<https://hvtc.edu.vn>)

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Điểm xét tuyển của thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 vào từng ngành của Học viện Tài chính có tổng điểm 3 môn thi thuộc 1 trong các tổ hợp ĐKXT (đã cộng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng) là từ 19 điểm trở lên đối với chương trình chuẩn và từ 20 điểm trở lên đối với chương trình chất lượng cao theo từng mã xét tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT

** Xét tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia, quốc tế*

Quy định về hồ sơ, hình thức, thời gian đăng ký: Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo theo thông báo của Sở GD&ĐT.

** Ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT:*

Quy định về hồ sơ, hình thức, thời gian đăng ký: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển vào Học viện gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo theo thông báo của Sở GD&ĐT.

** Xét tuyển thẳng theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP*

Quy định về hồ sơ, hình thức, thời gian đăng ký: Theo thông báo của Sở GD&ĐT.

6.2. Xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT

** Quy định về hồ sơ:*

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện.

(2) Các giấy tờ thí sinh nộp kèm theo gồm:

+ Bản photo chứng thực học bạ THPT (hoặc kết quả học tập trích ngang).

+ Bản photo chứng thực các giấy tờ ưu tiên đối tượng.

+ Bản photo chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (nếu có).

+ Bản photo chứng thực giấy xác nhận của cơ quan thẩm quyền (Sở GD&ĐT/ Bộ GD&ĐT) về nội dung đề tài dự thi cấp tỉnh, cấp Bộ liên quan môn

học (nếu có).

Ngoài việc nộp hồ sơ ĐKXT cho Học viện, thí sinh phải đăng ký nguyện vọng vào Học viện trên hệ thống của Bộ GD&ĐT (qua Sở GD&ĐT).

** Hình thức, thời gian đăng ký:*

Hình thức, thời gian đăng ký: Dự kiến từ **28/5 – 08/6/2022**. Chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://hvtc.edu.vn>.

** Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:*

Chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://hvtc.edu.vn>.

** Lệ phí xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT: 100.000 đồng/ 1 hồ sơ.*

6.3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022

** Quy định về hồ sơ:*

Hồ sơ ĐKXT theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh được ĐKXT vào tất cả các ngành của Học viện.

** Hình thức, thời gian đăng ký:* Hình thức và thời gian đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT.

** Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:*

Theo lịch của Bộ GD&ĐT.

6.4. Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

** Quy định về hồ sơ:*

Ngoài việc đăng ký xét tuyển vào Học viện (qua Sở Giáo dục & Đào tạo) dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT tổ hợp A01 hoặc D01 hoặc D07, thí sinh phải gửi về Học viện:

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện.

(2) Bản photo chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành của Học viện.

** Hình thức, thời gian đăng ký:*

Hình thức đăng ký, thời gian đăng ký theo thông báo của Học viện

** Thời gian công bố kết quả xét tuyển, trúng tuyển xác nhận nhập học:*

Theo lịch của Bộ GD&ĐT cùng với đối tượng xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022. Thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện <https://hvtc.edu.vn>.

** Lệ phí xét tuyển: 100.000 đồng/ 1 hồ sơ.*

6.5. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi ĐGNL năm 2022

** Quy định về hồ sơ:*

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện.

(2) Giấy chứng nhận kết quả thi ĐGNL.

Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành của Học viện.

** Hình thức, thời gian đăng ký:*

Hình thức đăng ký, thời gian đăng ký: Đăng ký trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Học viện <https://hvtc.edu.vn> theo thông báo.

** Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:*

Thời gian công bố kết quả xét tuyển, trúng tuyển xác nhận nhập học: Thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện <https://hvtc.edu.vn>.

** Lệ phí xét tuyển: 100.000 đồng/ 1 hồ sơ.*

Trên đây là Phương án tuyển sinh năm 2022 của Học viện, trong quá trình thực hiện, căn cứ quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tế, Học viện sẽ có phương án điều chỉnh phù hợp và công khai Đề án kịp thời trên trang thông tin điện tử <https://hvtc.edu.vn/>.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Trọng Cơ

ĐIỂM TRÚNG TUYỂN VÀO HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
(dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT)

Khối ngành/ Ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Khối ngành III						
- Ngành Tài chính – Ngân hàng	1.740	1.731		1.660	1.441	
A00, A01, D07			25,00			26,10
D01			25,00			26,45
+ Hải quan & Logistics*	50	143		100	212	
A01, D01, D07			31,17			36,22
+ Phân tích tài chính*	50	58		50	118	
A01, D01, D07			31,80			35,63
+ Tài chính doanh nghiệp*	150	220		200	351	
A01, D01, D07			30,17			35,70
- Ngành Kế toán	1.100	1.173		840	882	
A00, A01, D07			26,20			26,55
D01			26,20			26,95
+ Kế toán doanh nghiệp*	150	141		200	284	
A01, D01, D07			30,57			35,13
+ Kiểm toán*	100	145		150	288	
A01, D01, D07			31,00			35,73
- Ngành Quản trị kinh doanh	270	285		240	294	
A00, A01, D01, D07			25,50			26,70
- Ngành Hệ thống thông tin quản lý	120	174		120	131	
A00, A01, D01, D07			24,85			26,10
Khối ngành VII						
- Ngành Kinh tế	270	272		240	212	
A01, D01, D07			24,70			26,35
- Ngành Ngôn ngữ Anh	200	200		200	190	
A01, D01, D07			32,70			35,77

Tổng	4.200	4.542	-	4.000	4.403	-
-------------	--------------	--------------	----------	--------------	--------------	----------

Phụ lục 02

BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐÚNG/PHÙ HỢP THEO MÔN THI HỌC SINH GIỎI

TT	Môn thi	Ngành đúng	Ngành phù hợp
1	Toán		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
2	Vật lý		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
3	Hóa học		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
4	Ngữ văn		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
5	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Kinh tế
6	Tin học	Hệ thống thông tin quản lý	Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Ngôn ngữ Anh

			Kinh tế
--	--	--	---------

Phụ lục 03

DANH MỤC LĨNH VỰC CỦA CUỘC THI KH-KT

STT	Lĩnh vực	Lĩnh vực chuyên sâu	Ghi chú
1.	Toán học	Đại số; Phân tích; Rời rạc; Lý thuyết Game và Graph; Hình học và Tô pô; Lý thuyết số; Xác suất và thống kê;...	
2.	Vật lý và Thiên văn	Thiên văn học và Vũ trụ học; Vật lý nguyên tử; phân tử và quang học; Lý - Sinh; Vật lý trên máy tính; Vật lý thiên văn; Vật liệu đo; Từ, Điện từ và Plasma; Cơ học; Vật lý hạt cơ bản và hạt nhân; Quang học; La-de; Thu phát sóng điện từ; Lượng tử máy tính; Vật lý lý thuyết;...	
3.	Năng lượng; Vật lý	Năng lượng thủy điện; Năng lượng hạt nhân; Năng lượng mặt trời; Năng lượng nhiệt; Năng lượng gió;...	
4.	Khoa học vật liệu	Vật liệu sinh học; Gốm và Thủy tinh; Vật liệu composite; Lý thuyết và tính toán; Vật liệu điện tử, quang và từ; Vật liệu nano; Pô-li-me;...	
5.	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật hàng không và vũ trụ; Kỹ thuật dân dụng; Cơ khí trên máy tính; Lý thuyết điều khiển; Hệ thống vận tải mặt đất; Kỹ thuật gia công công nghiệp; Kỹ thuật cơ khí; Hệ thống hàng hải;...	
6.	Hóa học	Hóa phân tích; Hóa học trên máy tính; Hóa môi trường; Hóa vô cơ; Hóa vật liệu; Hóa hữu cơ; Hóa Lý;...	
7.	Hóa Sinh	Hóa-Sinh phân tích; Hóa-Sinh tổng hợp; Hóa-Sinh-Y; Hóa-Sinh cấu trúc;...	
8.	Năng lượng; Hóa học	Nhiên liệu thay thế; Năng lượng hóa thạch; Phát triển tế bào nhiên liệu và pin; Vật liệu năng lượng mặt trời;...	
9.	Hệ thống nhúng	Kỹ thuật mạch; Vi điều khiển; Giao tiếp mạng và dữ liệu; Quang học; Cảm biến; Gia công tín hiệu;...	
10.	Rô bốt và máy thông minh	Máy sinh học; Lý thuyết điều khiển; Rô bốt động lực;...	
11.	Phần mềm hệ thống	Thuật toán; An ninh máy tính; Cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Ngôn ngữ lập trình;...	
12.	Sinh học trên máy tính và	Kỹ thuật Y sinh; Dược lý trên máy tính; Sinh học mô hình trên máy tính; Tiến hóa sinh học trên máy tính; Khoa học thần kinh trên máy tính; Gen;...	

	Sinh-Tin		
13.	Khoa học Trái đất và Môi trường	Khí quyển; Khí hậu; Ảnh hưởng của môi trường lên hệ sinh thái; Địa chất; Nước;...	
14.	Khoa học xã hội và hành vi	Điều dưỡng và phát triển; Tâm lý; Tâm lý nhận thức; Tâm lý xã hội và xã hội học;...	
15.	Kỹ thuật môi trường	Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; Khai thác đất; Kiểm soát ô nhiễm; Quản lý chất thải và tái sử dụng; Quản lý nguồn nước;...	
16.	Y Sinh và khoa học Sức khỏe	Chẩn đoán; Điều trị; Phát triển và thử nghiệm dược liệu; Dịch tễ học; Dinh dưỡng; Sinh lý học và Bệnh lý học;...	
17.	Kỹ thuật Y Sinh	Vật liệu Y Sinh; Cơ chế Sinh học; Thiết bị Y sinh; Kỹ thuật tế bào và mô; Sinh học tổng hợp;..,	
18.	Sinh học tế bào và phân tử	Sinh lý tế bào; Gen; Miễn dịch; Sinh học phân tử; Sinh học thần kinh;...	
19.	Khoa học động vật	Hành vi; Tế bào; Mối liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và di truyền; Dinh dưỡng và tăng trưởng; Sinh lý; Hệ thống và tiến hóa;...	
20.	Vi Sinh	Vi trùng và kháng sinh; Vi sinh ứng dụng; Vi khuẩn; Vi sinh môi trường; Kháng sinh tổng hợp; Vi-rút;...	
21.	Khoa học Thực vật	Nông nghiệp; Mối liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và sinh sản; Tăng trưởng và phát triển; Bệnh lý thực vật; Sinh lý thực vật; Hệ thống và tiến hóa;...	